

Số: 81 /BC-UBND

Đông Hòa, ngày 24 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Hòa Thành
đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg, ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ “V/v ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ “V/v ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 – 2020 tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách xã điểm phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Yên đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1520/UBND-KT ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 4964/UBND-KT ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của UBND xã Hòa Thành tại Tờ trình số 109/TTr-UBND, ngày 07/7/2020 về việc thẩm định, xét công nhận xã Hòa Thành đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020.

Trên cơ sở kết quả thẩm tra các thành viên trong đoàn thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Hòa Thành theo Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 – 2020 tỉnh, UBND thị xã Đông Hòa báo cáo kết quả, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra từ ngày 09/7/2020 đến ngày 14/7/2020.

1. Về hồ sơ, gồm có:

- Tờ trình của UBND xã Hòa Thành về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Hòa Thành đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020 (Tờ trình số 109/TTr-UBND, ngày 07/7/2020 của UBND xã Hòa Thành).

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2020 của xã Hòa Thành, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (Báo cáo số 102/BC-UBND, ngày 04/7/2020 của UBND xã Hòa Thành);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Hòa Thành (Báo cáo số 101/BC-UBND, ngày 03/7/2020 của UBND xã Hòa Thành);

- Biên bản cuộc họp ngày 06/7/2020 đề nghị xét, công nhận xã Hòa Thành đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020;

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng nông thôn mới của xã Hòa Thành (Báo cáo số 103/BC-UBND, ngày 07/7/2020 của UBND xã Hòa Thành);

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2020 của xã Hòa Thành.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

So Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh, tính đến thời điểm hiện xã Hòa Thành, duy trì và giữ vững 19/19 tiêu chí cụ thể:

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn – Đạt;

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch – Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã Hòa Thành đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, lập và triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã giai đoạn 2010-2020; tổ chức công bố Đồ án xây dựng nông thôn mới cho cán bộ và nhân dân trong xã. Trong công tác lập quy hoạch đã bám sát với thực tế tình hình địa phương và các quy hoạch của tỉnh, huyện (nay thị xã) đối với xã, đồng thời dự báo tình hình phát triển ở địa phương để có quy hoạch xã một cách chính xác, hiệu quả. Thực hiện quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, hiện đại. Năm 2020, UBND xã chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát xây dựng Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Việc đánh giá thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và quản lý quy hoạch nông thôn mới của xã được lập đúng theo quy định của Bộ Xây dựng, được UBND huyện Đông Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND huyện Đông Hòa “về việc phê duyệt Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 (nay thị xã).

+ Các bản vẽ Quy hoạch được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và các thôn để người dân biết đúng thời gian quy định và thực hiện việc cắm mốc chỉ giới khu trung tâm xã theo quy hoạch được duyệt;

+ Có quy chế quản lý quy hoạch được UBND xã đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Thành tại Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

- Kinh phí đã thực hiện: 580 triệu đồng (100% NS Trung ương).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm – 100%;

- Tỷ lệ đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm $\geq 70\%$;

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa – cứng hóa 70%;

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm – cứng hóa 70%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Thực hiện Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 75/2013/NQ-HĐND, ngày 29/3/2013 của HĐND tỉnh Phú Yên. UBND xã, các hội, đoàn thể xã vận động hội viên và nhân dân hưởng ứng phong trào mạnh mẽ, tự tháo gỡ hàng rào, cây xanh, cây ăn quả, hiến đất, đóng góp tiền, ngày công, tổ chức thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình. Nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí, giai đoạn 2016-2020, thực hiện bê tông hóa giao thông nông thôn, giao thông nội đồng gần 6km và tuyên truyền vận động nhân dân tự đổ bê tông 6,588 km.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 16,583/16,583 km, đạt 100%;

+ Đường trục thôn và đường liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 17,91/17,91 km, đạt 100%;

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa được bê tông và cứng hóa 36/36 km, đạt 100%, tăng 9,303 km so với năm 2015;

+ Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm là 16,152/19,5 km, đạt 82,83% tăng 12,63 so với năm 2015 (*trong đó đã bê tông hóa đường giao thông nội đồng 11,454 km*).

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

- Kinh phí đã thực hiện: 5.909 triệu đồng (*trong đó, NS Trung ương: 655 triệu đồng, NS Tỉnh: 310 triệu đồng, NS thị xã: 2.977 triệu đồng, NS Xã: 1.291 triệu đồng, huy động đóng góp nhân dân: 676 triệu đồng.*).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (*trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí*).

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 80\%$;

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ – Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã chỉ đạo Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Hòa Thành thực hiện kiên cố hóa kênh mương theo Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/7/2009; Nghị quyết số 76/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Phú Yên ngày 29/3/2013; Nghị quyết 36/2017/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh ngày 8/12/2017 và hướng dẫn của các Sở, ngành tỉnh. Chỉ đạo cán bộ chuyên môn của xã, đơn vị quản lý thủy nông địa phương thường xuyên kiểm tra, kịp thời bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, đảm bảo đủ nước tưới phục vụ sản xuất. Hàng năm, HTX xây dựng kế hoạch quản lý kênh mương nội đồng, quản lý việc tưới tiêu bảo đảm phục vụ nhu cầu sản xuất của bà con trên địa bàn được đầy đủ, kịp thời. UBND xã Hòa Thành hàng năm đều kiện toàn BCH PCTT& TKCN xã, đồng thời đều triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Tổng chiều dài kênh mương trên địa bàn xã 29,57 km, trong đó đã kiên cố hóa và cứng hóa đến nay 25,776 km;

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động là 644,535 ha/739,4007 ha, đạt 87,17%. (*Kiên cố hóa kênh mương tăng 4,196 km so với năm 2015*);

+ Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

- Kinh phí đã thực hiện: 3.802 triệu đồng (*trong đó, NS Tỉnh: 788 triệu đồng, NS thị xã: 1.575 triệu đồng, NS Xã: 10 triệu đồng, HTX 645 triệu đồng, huy động đóng góp nhân dân: 784 triệu đồng*).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (*trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí*).

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn - Đạt;
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã phối hợp với Điện lực Đông Hòa đầu tư xây dựng các tuyến đường dây phục vụ cho các xóm dân cư ở các thôn đảm bảo điện sinh hoạt cho nhân dân; thường xuyên rà soát, đánh giá hiện trạng về mặt kỹ thuật của hệ thống điện trên địa bàn xã; tuyên truyền, phổ biến để nhân dân sử dụng điện có hiệu quả, tiết kiệm và an toàn.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ 100% hệ thống điện trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Có 19 trạm biến áp đạt yêu cầu kỹ thuật nằm rải rác ở 06 thôn, trong đó: 03 trạm thôn Phước Bình Nam; 05 trạm thôn Phước Bình Bắc; 02 trạm thôn Lộc Đông; 03 trạm thôn Phước Lộc 1; 04 trạm thôn Phước Lộc 2 và 02 trạm thôn Phú Lễ;

+ Tổng đường dây điện trung và hạ thế 37,306 km, trong đó: 13,858 km đường dây 22 KV và 23,448 km đường dây 0,4 KV;

+ 100% hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

- Kinh phí đã thực hiện: 5.952,33 triệu đồng (*trong đó, NS TW: 1.983,26 triệu đồng; NS Tỉnh: 1.977,5 triệu đồng; NS thị xã: 1.479,19 triệu đồng, NS Xã: 506 triệu đồng, huy động đóng góp nhân dân: 07 triệu đồng*).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (*trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí*).

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường Học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Trên địa bàn xã, hiện có 3 cấp trường học gồm: Bạc Mầm non, cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở. UBND xã phối hợp với các phòng, ban liên quan hoàn chỉnh các trang thiết bị, cơ sở vật chất ở 3 cấp học để phục vụ tốt việc dạy và học, có kế hoạch và triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất về trường học các cấp để đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng tiêu chí.

- Các nội dung đã thực hiện:

Tỷ lệ trường học các bậc Mầm non, Tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đạt 100%.

+ Bạc Mầm non: Có 03 điểm trường, gồm 12 phòng học, diện tích 5.537,19 m² có bếp ăn, nhà hành chính, sân vườn, đầy đủ trang thiết bị dạy học theo quy định.

Đánh giá cơ sở vật chất của trường đạt chuẩn Quốc gia cấp Mầm non: 100%.

+ Cấp Tiểu học, gồm 02 trường cụ thể:

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc: Có 18 phòng học và 09 phòng chức năng, diện tích 14.335 m², có khuôn viên, cổng trường, hàng rào bảo vệ, sân chơi, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học, khu vệ sinh, nhà để xe, thư viện, thiết bị dạy học và các hạng mục theo quy định, đảm bảo hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học. Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Trường Tiểu học Võ Thị Sáu: Có 20 phòng học và 09 phòng chức năng, diện tích 11.056 m², có khuôn viên, cổng trường, hàng rào bảo vệ, sân chơi, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học, khu vệ sinh, nhà để xe, thư viện, thiết bị dạy học và hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học đảm bảo. Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Đánh giá cơ sở vật chất của trường đạt chuẩn Quốc gia cấp Tiểu học: 100%.

+ Cấp THCS (*Trường THCS Tôn Đức Thắng*): Có 20 phòng học, 07 phòng chức năng, 01 thư viện và 07 phòng làm việc, diện tích phòng học và sân chơi bãi tập 11.037 m², diện tích 12m²/ học sinh, được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn quốc gia. (*Từ năm 2016 đến nay trường xây dựng thêm 1 phòng công nghệ, tu sửa 12 phòng học, xây dựng công tình nhà vệ sinh, nhà xe cho học sinh*) và nhiều hạng mục khác để giữ vững và nâng cao tiêu chí các cơ sở vật chất.

Đánh giá cơ sở vật chất của trường đạt chuẩn Quốc gia cấp THCS: 100%.

- Khối lượng thực hiện: Kết quả đạt 04/04 trường = 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

- Kinh phí đã thực hiện: 8.287 triệu đồng (*trong đó, NS Tỉnh: 8.200 triệu đồng, huy động đóng góp nhân dân: 87 triệu đồng*).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (*trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí*).

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt theo quy định - Đạt;

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định - Đạt;

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng - 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã đã đầu tư xây dựng mới nhà văn hóa và khu thể thao trung tâm xã; nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa và khu thể thao ở các thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thể thao của người dân trên địa bàn.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Năm 2015, UBND xã Hòa Thành đã được UBND tỉnh Phú Yên công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015 (tại Quyết định số 2493/QĐ-UBND, ngày 11/12/2015).

+ Năm 2016, UBND xã đầu tư xây dựng nhà văn hóa xã đảm bảo đầy đủ trang thiết bị như bàn ghế, âm thanh, ánh sáng, thông gió và trang bị hệ thống kết nối với đài truyền thanh xã để phát thanh trực tiếp các nội dung quan trọng của địa phương, đồng thời sử dụng hội trường văn hóa đa năng phục vụ công tác văn hóa của địa phương.

+ Khu thể thao xã được xây dựng 01 sân bóng đá mi ni và 01 sân bóng chuyền kết hợp làm sân cầu lông, đồng thời kết hợp sử dụng sân bóng chuyền có sẵn tại UBND xã. Đầu tư một số dụng cụ thể thao phục vụ nhu cầu tập luyện, vui chơi giải trí trên địa bàn xã, xây dựng công viên hoa trước mặt trụ sở UB và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tạo cảnh quan sáng xanh sạch đẹp cho bộ mặt UBND xã.

+ Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Trên địa bàn xã có trung tâm văn hóa thể thao xã, điểm vui chơi thôn Phước Bình Bắc có trang bị một số dụng cụ phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, các thôn đều có sân thể thao phục vụ nhu cầu văn hóa thể thao các thôn.

+ UBND xã đã đầu tư, nâng cấp sửa chữa 6/6 thôn có nhà văn hóa (đủ 100 chỗ ngồi trở lên) và khu thể thao thôn (có sân bóng chuyền) phục vụ cộng đồng hoạt động đạt 100%.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

- Kinh phí đã thực hiện: 5.666,5 triệu đồng (trong đó, NS Trung ương: 2.399 triệu đồng, NS Tỉnh: 669 triệu đồng, NS thị xã: 1.121,9 triệu đồng, NS Xã: 1.114,1 triệu đồng, huy động đóng góp nhân dân: 362,5 triệu đồng).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương V/v Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch hoặc xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét, đánh giá tiêu chí này.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã tiến hành đầu tư xây dựng chợ trung tâm xã theo Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND

Tỉnh; xây dựng phương án chợ, hoàn chỉnh thủ tục theo quy định và được UBND huyện Đông Hòa phê duyệt thống nhất chuyển giao chợ trung tâm xã cho Hợp tác xã DVNN TH Hòa Thành Tây (nay là HTX DVNN TH Hòa Thành) tổ chức quản lý, điều hành kinh doanh khai thác chợ để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, từng bước thực hiện xã hội hóa hoạt động quản lý chợ, tiến đến đạt chuẩn chợ văn minh, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo tiêu chí “Đảm bảo vệ sinh, an toàn, văn minh - hướng đến hiện đại”.

- Nội dung đã thực hiện:

+ UBND xã đã xây dựng 01 Chợ trung tâm xã tại thôn Lộc Đông, diện tích 2.786 m² cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của nhân dân, đã bố trí cân đối chứng và kiểm tra chất lượng của các cân tại chợ. Định kỳ phối hợp với các ban ngành của huyện kiểm tra an toàn thực phẩm, gian lận thương mại, các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ, tất cả đều không thuộc danh mục cấm kinh doanh;

+ Chợ có nhà vệ sinh, nhà làm việc của Ban quản lý, xây dựng phương án và trang bị dụng cụ cho công tác phòng cháy chữa cháy; có tổ chức quản lý chợ, có nội quy, quy chế chợ.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính - Đạt theo quy định;

- Xã có điểm dịch vụ viễn thông, Internet - Đạt;

- Xã có đài tuyên thanh và hệ thống loa đến các thôn - Đạt;

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành - Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã đã tạo điều kiện và ưu tiên phát triển hạ tầng bưu chính đáp ứng yêu cầu về tiêu chí xây dựng nông thôn mới, ngành Bưu chính, viễn thông cung cấp đảm bảo chất lượng dịch vụ truy cập Internet tại các thôn. Duy trì, củng cố và phát triển hoạt động điểm phục vụ bưu điện văn hóa xã phát triển mạng lưới Internet đến từng thôn và phổ biến rộng rãi đến nhân dân.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Xã có Bưu điện văn hóa xã đảm bảo cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông đạt tiêu chuẩn ngành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ 6/6 thôn có dịch vụ viễn thông, đường truyền Internet, đạt 100%;

+ Có đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các thôn hoạt động thường xuyên, đáp ứng được các nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác của xã, thôn;

+ Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:
Về kỹ năng sử dụng máy vi tính của cán bộ xã; Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, xử lý văn bản;

Ngoài ra đã tham gia tập huấn và bước đầu ứng dụng cổng dịch vụ công tỉnh Phú Yên tại địa phương. Địa phương hiện triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ congdochvucong.phuyen.gov.vn gồm 09 dịch vụ, gồm: Đăng ký khai sinh; Đăng ký kết hôn; Đăng ký khai tử; Đăng ký giám hộ; Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Cấp bản sao trích lục hộ tịch; Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục; Công nhận tuyên truyền viên pháp luật (cấp xã) và 01 thủ tục liên thông lĩnh vực đất đai: Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Không có nhà tạm, nhà dột nát;

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã tổ chức rà soát số lượng nhà ở trên địa bàn xã, thực hiện kế hoạch xóa đói giảm nghèo, kết hợp nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cùng với nguồn lực vận động từ doanh nghiệp, tổ chức cá nhân hỗ trợ người dân có nhà ở tạm để sửa chữa xây dựng nhà mới. Vận động toàn dân phấn đấu xây dựng nhà đạt chuẩn, chỉnh trang lại nhà cửa phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các khu nhà ở dọc theo các tuyến đường bê tông chính khi xây dựng nhà cửa, tường rào phải đảm bảo mỹ quan, không xâm phạm hành lang giao thông.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Trong thời gian qua công tác xóa đói, giảm nghèo ở địa phương có những chuyển biến mới. Hiện tại, trên địa bàn xã không còn nhà nhà tạm, nhà dột nát;

+ Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ xây dựng là 4.660/4.984 hộ đạt 93,5%. So với năm 2015 tăng hơn 9,1%.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

- Kinh phí đã thực hiện: 687,2 triệu đồng (trong đó, NS Tỉnh: 371,9 triệu đồng, NS Huyện: 315,3 triệu đồng).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 ≥ 38 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Để đảm bảo đạt mức thu nhập bình quân đầu người trên năm theo nghị quyết của cấp ủy Đảng, nghị quyết của HĐND xã đề ra trong năm. UBND xã đã phối hợp chặt chẽ với Mặt trận, các đoàn thể vận động Nhân dân tự nỗ lực trong sản xuất phát triển kinh tế hộ, chủ động tìm kiếm việc làm để nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống và các ngành nghề khác tại địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ UBND xã rà soát đánh giá thu nhập bình quân đầu người hàng năm theo hướng dẫn cấp trên, năm 2019 đạt 45,6 triệu đồng/người/năm, tăng 22,6 triệu đồng/người/năm so với năm 2015;

+ Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Hội, Đoàn thể xã tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân mạnh dạn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, triển khai tốt chương trình kế hoạch phát triển kinh tế, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân dân học tập làm theo.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều quy định theo vùng, tỷ lệ $\leq 5\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tổ chức rà soát đánh giá hộ nghèo, cận nghèo hàng năm để xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, giúp đỡ tạo sinh kế, tạo việc làm tăng thu nhập, nâng cao đời sống, thoát nghèo bền vững. Triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch số 24/KH-HU ngày 17/11/2016 của Huyện ủy Đông Hòa về tiếp tục triển khai mô hình “Cơ quan, đơn vị giúp đỡ thôn, khu phố khó khăn và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức giúp hộ nghèo” (nay là Thị ủy Đông Hòa).

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Trong những năm qua, với sự quyết tâm, nỗ lực từ các cấp chính quyền địa phương về thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới đã tập trung chỉ đạo việc phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân, xóa hộ nghèo, hộ cận nghèo và giảm đến mức thấp nhất việc tái nghèo, với mục tiêu phấn đấu đưa xã đạt chuẩn năm 2020.

+ Theo kết quả điều tra tỷ lệ hộ nghèo năm 2019: Trên địa bàn xã có 4.669 hộ dân (có 93 hộ nghèo trong đó có 22 hộ nghèo được bảo trợ xã hội). Vì vậy tỷ lệ hộ nghèo là 71/4.647 hộ, chiếm 1,53%.

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

- Kinh phí đã thực hiện: Ngân hàng chính sách cho vay.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.12. Tiêu chí số 12 về Tỷ lệ lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã tổ chức tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, vai trò, vị trí của đào tạo nghề với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nâng cao thu nhập để lao động nông thôn nắm bắt, tích cực tham gia học nghề. Thường xuyên rà soát, thống kê số lượng lao động trên địa bàn xã, chủ động phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thị xã và các doanh nghiệp mở lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trên địa bàn xã.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Thực hiện nhiều giải pháp giúp người lao động có nguồn thu nhập ổn định như đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho vay các nguồn vốn ưu đãi từ chương trình giải quyết việc làm để tạo điều kiện cho Nhân dân đầu tư phát triển sản xuất, chăn nuôi và buôn bán nhỏ.v.v... Vận động nhân dân và Đoàn viên thanh niên tham gia giao dịch việc làm.

+ Tổng số lao động có việc làm thường xuyên: 10.086/10.110 người, đạt 99,76%, tăng 0,85% so năm 2015..

- Khối lượng thực hiện: Đạt 100% so với yêu cầu của tiêu chí.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 – Đạt;

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững – Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Hòa Thành đã phát huy được vai trò tập thể, vận động, thay đổi cách nghĩ cách làm cho bà con nông dân, ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Trên một số lĩnh vực, Hợp tác xã mở rộng sản xuất, đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh; đồng thời tham gia hoạt động xã hội trên địa bàn dân cư, xóa đói, giảm nghèo ở địa phương, giải quyết nhu cầu, lợi ích chính đáng của thành viên và người lao động, góp phần làm thay đổi căn bản đời sống của người dân và bộ mặt nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

- Các nội dung đã thực hiện: